

Số: **04** /2024/QĐST - DS

K, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Phạm Thế Anh

Các hội thẩm nhân dân : Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 18/01/2024;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1966;
Địa chỉ: xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn : Chị Trần Thị L, sinh năm 1973; Địa chỉ: xóm 8, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị H, sinh năm 2000; Địa chỉ: xóm 8, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Trần Thị L phải thanh toán cho vợ chồng ông T, bà T1 tổng số tiền 1.700.000.000^d (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Gồm: 1.300.000.000^d tiền gốc và tiền lãi là 400.000.000^d.

2.2. Phương thức và thời gian thanh toán :

- Ngày 30/9/2024 dương lịch chị Trần Thị L trả cho vợ chồng ông T, và bà T1 số tiền gốc là 01 tỷ đồng .

- Ngày 30/9/2025 dương lịch chị Trần Thị L trả 150 triệu đồng tiền gốc và 200.000.000^d tiền lãi.

- Ngày 30/9/2026 dương lịch chị Trần Thị L trả 150 triệu đồng tiền gốc và 200.000.000^d tiền lãi.

- Vợ chồng ông T, bà T1 trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 873195 ngày 22/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K cấp cho chị L sau 01 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Nếu chị L vi phạm thỏa thuận đã cam kết này vợ chồng ông T, bà T1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện K buộc chị L phải thanh toán số tiền còn thiếu theo thỏa thuận từng kỳ và chị L phải chịu lãi suất chậm trả theo từng khoản đến hạn mà chưa thanh toán theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 1/2 án phí theo quy định. Cụ thể:

- Chị L nộp 31.500.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Bà T1 nộp 15.750.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Ông T được miễn án phí (là người cao tuổi thuộc diện được miễn)

Trả lại cho ông T và bà T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002100 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K sau khi đã đối trừ số tiền bà T1 phải nộp, còn được trả lại số tiền là 8.145.000^d.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thế Anh